

Số: 39/2016/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với
khai thác từng loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 66/2016/TT-BTC ngày 29/4/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số 11430 /TTr-UBND ngày 25/ 11/2016 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu phí Bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác từng loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

2. Các trường hợp nộp phí bảo vệ môi trường

Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trừ các trường hợp được quy định tại khoản 8 Điều 2 Thông tư số 66/2016/TT-BTC ngày 29/4/2016 của Bộ Tài chính.

3. Tổ chức thu phí

Cơ quan tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo phân cấp gồm có:

- a) Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;
- b) Chi cục Thuế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

4. Phương pháp tính phí và mức thu phí

a) Phương pháp tính phí

Thực hiện theo quy định tại Điều 2, Thông tư số 66/2016/TT-BTC ngày 29/4/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

b) Mức phí đối với từng loại khoáng sản

(Kèm Phụ lục về Biểu mức thu phí theo từng loại khoáng sản)

c) Mức thu phí khai thác tận thu

Đối với khoáng sản khai thác tận thu theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 12/2016/NĐ - CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ thì mức thu phí được tính bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng tại biểu mức thu phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

d) Mức thu phí đối với các trường hợp khác

- Đối với các loại khoáng sản không quy định tại biểu mức thu phí nêu trên, trường hợp nếu có khoáng sản phát sinh được áp mức thu tối đa theo quy định tại biểu khung mức phí ban hành kèm theo Nghị định số 12/2016/NĐ - CP ngày 19/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

- Trường hợp trong quá trình khai thác mà thu được thêm loại khoáng sản khác loại khoáng sản được cấp phép thì người nộp phí phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản khai thác thêm theo mức thu của loại khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác;

- Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác Granite làm đá ốp lát, làm mỹ nghệ thì áp dụng mức thu phí quy định tại số thứ tự 1 của biểu mức thu phí kèm theo Nghị quyết. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác Granite cho mục đích khác thì áp dụng mức thu phí quy định tại số thứ tự 12 của biểu mức thu phí kèm theo Nghị quyết;

- Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác đá làm mỹ nghệ theo cả khối lớn thì áp dụng mức thu phí quy định tại số thứ tự 2 của biểu mức thu phí kèm theo Nghị quyết.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, đồng thời có kế hoạch bố trí sử dụng nguồn thu phí bảo vệ môi trường trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo quy định; định kỳ hàng năm có đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm.

Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi quy định pháp luật về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thì UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 40/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2016. *th*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Các sở, ban ngành của tỉnh;
- VKSND tỉnh; Tòa án ND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Báo LĐĐN, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT.



Nguyễn Phú Cường



PHỤ LỤC

Biểu mức thu phí theo từng loại khoáng sản

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng năm 2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	m ³	70.000
2	Đá Block	m ³	90.000
3	Sỏi, cuội, sạn	m ³	6.000
4	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	5.000
		Tấn	2.730
5	Các loại đá khác (đá vôi, đá sét làm xi măng và các loại đá làm phụ gia xi măng, khoáng chất công nghiệp)	Tấn	3.000
6	Cát vàng	m ³	5.000
7	Các loại cát khác	m ³	4.000
8	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
9	Sét làm gạch, ngói	m ³	2.000
10	Cao lanh, phen-sơ-pát (fenspat)	m ³	7.000
11	Các loại đất khác	m ³	2.000
12	Gờ-ra-nít (granite)	Tấn	30.000
13	Sét chịu lửa	Tấn	30.000
14	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	30.000
15	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	3.000
16	Than các loại	Tấn	10.000
17	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000